

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua điều chỉnh Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 trên địa bàn xã Ia Pia

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ IA PIA
KHÓA XIII - KỲ HỌP THỨ HAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Nghị định số 27//NĐ-CP ngày 19/4/ của Chính phủ về Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG;

Quyết Định số: 920/QĐ-TTg ngày 14/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh một số nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 22/7/2025 của HĐND tỉnh Gia Lai về phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia năm 2025 cho các xã, phường trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 2073/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND huyện Chư Prông về việc phân bổ vốn sự nghiệp năm 2025 thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Căn cứ Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 17/2/2025 của UBND xã Ia Ga về việc chuyển nguồn ngân sách thực hiện các Chương trình MTQG;

Căn cứ Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 17/2/2025 của UBND xã Ia Vê về việc chuyển nguồn ngân sách năm 2024 sang năm 2025 thực hiện các Chương trình MTQG;

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 13/2/2025 của UBND xã Ia Pia về việc chuyển nguồn ngân sách năm 2024 sang năm 2025 thực hiện các Chương trình MTQG;

Xét Tờ trình số 29/TTr-UBND ngày 23/7/2025 của UBND xã về việc thông qua điều chỉnh Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 trên địa bàn xã Ia Pia; Báo cáo thẩm tra số 03/BC-BKTNS ngày 25/7/2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND xã và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua điều chỉnh Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 trên địa bàn xã Ia Pia (Kèm theo Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 23/7/2025 của UBND xã về việc điều chỉnh Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 trên địa bàn xã Ia Pia).

Điều 2. Giao UBND xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định; Giao Thường trực HĐND xã, các Ban HĐND xã, các Tổ đại biểu HĐND xã và đại biểu HĐND xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND xã Ia Pia khóa XIII, Kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 31/7/2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Các Sở: Tư Pháp; Tài chính; NN và MT;
- TT. Đảng ủy;
- TT. HĐND xã;
- UBND xã;
- UBMTTQ VN xã;
- Đại biểu HĐND xã khóa XIII;
- Các phòng, ban, ngành;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH



Từ Ngọc Thông

ỦY BAN NHÂN DÂN

XÃ IA PIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Danh mục Dự án chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 trên địa bàn xã Ia Pia

(Kèm theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 04 tháng 8 năm 2025 của HĐND xã Ia Pia)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Tổng cộng sau điều chỉnh	Tổng	Năm trước chuyển sang		Tổng	Kế hoạch vốn năm 2025		Ghi chú
				NSTW	NSDP		NSTW	NSDP	
I	Chương trình MTQG PTKTXH vùng ĐBDTTS	3.979,423	1.116,923	1.104,923	12,000	2.862,500	2.664,500	198,000	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất và nước sinh hoạt	218,000	48,000	48,000	-	170,000	170,000	-	
1.1	Nội dung 3: Hỗ trợ chuyển đổi nghề	170,000	-			170,000	170,000		
1.2	Nội dung 4: Kinh phí Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024	48,000	48,000	48,000		-			
2	Dự án thành phần: Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	100,000	-			100,000	100,000		
3	Dự án thành phần: Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	1.165,000	125,000	113,000	12,000	1.040,000	1.000,000	40,000	
3.1	Nội dung 1 - Tiểu dự án 2 - Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	1.040,000	-			1.040,000	1.000,000	40,000	

3.2	Nội dung 3 - Tiểu dự án 2 - Dự án 3: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN NĂM 2024	125,000	125,000	113,000	12,000	-			
4	Dự án thành phần: Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN	516,000	16,000	16,000	-	500,000	450,000	50,000	
4.1	<i>Tiểu dự án thành phần: Nội dung 1 - Tiểu dự án 1 - Dự án 4: Đầu tư CSHT thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng ĐB DTTS&MN</i>	516,000	16,000	16,000		500,000	450,000	50,000	
5	Dự án thành phần: Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	579,000	-	-	-	579,000	499,000	80,000	
5.1	Tiểu dự án 1 - Dự án 5: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS.	80,000	-			80,000		80,000	
5.2	Tiểu Dự án 2 - Nội dung 1: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	54,000	-			54,000	54,000		
5.3	Tiểu dự án 3 - Dự án 5: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN	365,000	-			365,000	365,000		
5.4	Tiểu dự án 4 - Dự án 5: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	80,000	-			80,000	80,000		
6	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	555,923	392,923	392,923		163,000	150,000	13,000	
7	<i>Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù</i>	586,000	535,000	535,000	-	51,000	48,000	3,000	

	Tiểu Dự án 1 - Dự án 9: Kinh phí đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế-xã hội nhóm DTTS còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù	535,000	535,000	535,000		-			
	Tiểu Dự án 2 - Dự án 9: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN	51,000	-			51,000	48,000	3,000	
8	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	259,500	-	-	-	259,500	247,500	12,000	
8.1	Tiểu dự án 1 - Dự án 10: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật; trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng DB DTTS&MN	250,000	-			250,000	240,000	10,000	
8.2	Tiểu dự án 3 - Dự án 10: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình.	9,500	-			9,500	7,500	2,000	